

Bản án số: 22/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 26/4/2023

“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Trí.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Văn Trị

Ông Bùi Đức Thuận

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Phước là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Bùi Kim Châu Nghĩa – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 459/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2023/QĐXX-ST ngày 03 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lâm Hồng Q, sinh năm 1981

Trú tại: Tổ 2, khối PV, thị trấn PP, huyện TS, tỉnh Bình Định.

Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân H, sinh năm 1981

Trú tại: 245 QT, thị trấn PP, huyện TS, tỉnh Bình Định.

Nguyên đơn chị Q có mặt, bị đơn anh H có đơn xin xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa nguyên đơn chị Lâm Hồng Q trình bày:

Chị và anh Nguyễn Xuân H tự nguyện tìm hiểu, đi đến hôn nhân, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn PP, huyện TS, tỉnh Bình Định vào ngày 13/8/2007. Sau cưới vợ chồng chung sống tại nhà cha mẹ anh H ở 245 QT, thị trấn PP, huyện TS, Bình Định được một thời gian rồi ra thuê nhà ở riêng. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do anh H lái xe đường dài có người phụ nữ khác bên ngoài. Năm 2021 chị có giới

đơn xin ly hôn sau đó rút đơn vì con nên chị cho anh H cơ hội nhưng anh H vẫn không thay đổi. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh H không còn, chị không thể nào chung sống với anh H nên yêu cầu Tòa giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Xuân H.

Về con chung: Giữa chị và anh H có 02 con chung tên Nguyễn Lâm A, (giới tính: Nam), sinh ngày: 11/11/2007 và Nguyễn Lâm K, (giới tính: Nam), sinh ngày 27/02/2012. Hiện hai con đang ở với chị, sức khỏe bình thường. Ly hôn các cháu có nguyện vọng ở với chị nên chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành, chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nhưng anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu mỗi tháng 1.000.000 đồng thì chị cũng đồng ý.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và vợ chồng không nợ chung ai cũng không ai nợ chung của vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 03/01/2023 bị đơn anh Nguyễn Xuân H trình bày:

Anh thống nhất như lời trình bày của chị Lâm Hồng Q về thời gian, điều kiện kết hôn. Sau cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc tại nhà cha mẹ anh ở 245 QT, thị trấn PP, huyện TS, được một thời gian sau đó ra thuê nhà ở riêng. Quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Năm 2021 chị Q có gởi đơn ly hôn sau đó rút đơn nhưng vợ chồng cũng không hòa hợp được, từ đó mạnh ai nấy sống. Nay chị Q xin ly hôn anh thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Anh thống nhất vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Lâm A, (giới tính: Nam), sinh ngày: 11/11/2007 và Nguyễn Lâm K, (giới tính: Nam), sinh ngày 27/02/2012. Hiện hai con đang ở với chị Q, sức khỏe bình thường. Ly hôn các cháu có nguyện vọng ở với ai là quyền các cháu, nếu các cháu có nguyện vọng ở với anh thì anh không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con còn nếu các cháu ở với chị Q thì anh đồng ý các con do chị Q nuôi dưỡng, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và vợ chồng không nợ chung ai cũng không ai nợ chung của vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Bị đơn anh Nguyễn Xuân H có đơn xin xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt anh H. Về nội dung: Áp dụng Điều 8, 9, 56 và 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lâm Hồng Q, cho chị Lâm Hồng Q được ly hôn với anh Nguyễn Xuân H. Về con chung: Giao hai cháu: Nguyễn Lâm A, (giới tính: Nam), sinh ngày: 11/11/2007 và Nguyễn Lâm K, (giới tính: Nam), sinh ngày 27/02/2012 cho chị Q nuôi dưỡng vì cháu A và cháu K đều có nguyện vọng ở với chị Q. Ghi nhận sự tự nguyện của anh H cấp dưỡng nuôi cháu A và cháu K mỗi cháu mỗi tháng

1.000.000 đồng kể từ tháng 4/2023 cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Q và anh H không yêu cầu nên không xét. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, và khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội đương sự, chị Q chịu 300.000 đồng án phí về ly hôn, anh H phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Anh Nguyễn Xuân H là bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 thì Hội đồng vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lâm Hồng Q và anh Nguyễn Xuân H kết hôn vào ngày 13/8/2007 trên cơ sở tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn PP, huyện TS, Bình Định nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật công nhận. Sau kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc tại nhà cha mẹ anh H ở 245 QT, thị trấn PP, huyện TS được thời gian 03 năm thì sau đó ra thuê nhà ở riêng. Đến năm 2020 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp thường xuyên cãi vã và do anh H làm tài xế lái xe đường dài nên không quan tâm đến gia đình. Năm 2021 chị Q có gửi đơn ly hôn và sau đó rút đơn để vợ chồng hàn gắn tình cảm cùng nuôi dạy con nhưng mâu thuẫn không thể hàn gắn được, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó chị Q yêu cầu được ly hôn anh H, anh H cũng đồng ý. Xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng chị Q và anh H không thể nào chung sống với nhau được, cả hai không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, việc chị Q và anh H thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên Tòa ghi nhận.

[2] Về con chung: Chị Q và anh H đều thống nhất vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Lâm A, (giới tính: Nam), sinh ngày 11/11/2007 và Nguyễn Lâm K, (giới tính: Nam), sinh ngày 27/02/2012, hiện cháu A và cháu K đang ở với chị Q. Xét thấy cháu A và cháu K đã trên 07 tuổi, cả hai cháu đều có nguyện vọng ở với mẹ là chị Q, chị Q yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu A và cháu K đến tuổi trưởng thành. Xét nguyện vọng của cháu A và K, HĐXX nghĩ nên giao cháu Nguyễn Lâm A và Nguyễn Lâm K cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng, anh H cũng đồng ý cháu A và cháu K do chị Q nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Q không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nhưng anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu A và cháu K mỗi cháu mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ tháng 04/2023 cho đến khi cháu A và K đủ 18 tuổi thì chị Q cũng đồng ý, nên HĐXX ghi nhận sự tự nguyện của anh H là phù hợp với quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Q và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì chị Q và anh H mỗi người phải chịu 150.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng chị Q tự nguyện chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007619 ngày 26/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn, chị Q đã nộp xong. Anh H phải chịu 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con.

[5] Lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 238, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Lâm Hồng Q.
2. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lâm Hồng Q và anh Nguyễn Xuân H.
3. Về con chung: Giao hai cháu Nguyễn Lâm A, (giới tính: Nam), sinh ngày: 11/11/2007 và Nguyễn Lâm K, (giới tính: Nam), sinh ngày 27/02/2012 cho chị Lâm Hồng Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu A và cháu K, mỗi cháu mỗi tháng 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng nuôi con từ tháng 04/2023 cho đến khi cháu A và K đủ 18 tuổi.

Anh H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng nếu lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Q và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

5. Về án phí: Chị Lâm Hồng Q và anh Nguyễn Xuân H mỗi người phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng nhưng chị Q tự nguyện chịu 300.000 đồng nên được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị Q đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007619 ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn, đã nộp xong. Anh Nguyễn Xuân H phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Tây Sơn;
- Chi cục THADS huyện Tây Sơn;
- UBND TT. Phú Phong;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lê Thị Minh Trí

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Minh Trí

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Minh Trí

